

Bản án số 348/2023/HS-PT
Ngày 28 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Hiền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 247/2023/TLPT-HS ngày 12/6/2023 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2599/2023/QĐXXPT-HS ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Tiến V, sinh ngày 10/6/1983 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT: thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi tạm trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1961; có vợ Đoàn Thị Thu T2, sinh năm 1983; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/11/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong bản án; ngày 26/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 25.000.000 đồng về tội đánh bạc, đã chấp hành xong bản án. Bị cáo V bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến V: Luật sư Lê Viết K - Công ty L, mặt.

Bị hại: ông Đặng Văn G, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G là Luật sư Vũ Văn N, Công ty L1, Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có triệu tập):

1. Anh Dương Văn S, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1982; địa chỉ: Số D Q, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

4. Chị Đoàn Thị Thu T2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

5. Chị Bùi Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Dương Trí T4, sinh năm 1968; địa chỉ: xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

2. Anh Hà Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Tháng 7/2021, Nguyễn Tiến V, sinh năm 1983, thường trú tại Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (tạm trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) thành lập Công ty TNHH T7 đặt trụ sở tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Quá trình hoạt động, Công ty TNHH C làm ăn thua lỗ đã phải vay mượn tiền của nhiều người để duy trì hoạt động, nhưng khoảng đầu tháng 01/2022 V nảy sinh ý định lừa đảo người khác lấy tiền trả nợ nên V đến tỉnh Bắc Giang thành lập Văn phòng đại diện tại địa chỉ C đường N, phường T, thành phố B và giao cho anh Dương Trí T4, sinh năm 1968, trú tại xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm nhân viên kinh doanh. Thông qua anh Dương Trí T4, V quen biết anh Dương Văn S (sinh năm 1970, tạm trú tại Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang), V đưa ra thông tin gian dối nói với anh S và anh T4 là V có mối quan hệ với Ngân hàng tại Thụy Sĩ nên có khả năng vay vốn từ Ngân hàng T8 để cho các Doanh nghiệp và cá nhân tại Việt Nam vay lại với lãi suất ưu đãi 0,45%/01 năm để thực hiện các công trình xây dựng dân dụng; đồng thời V nói với anh S là nếu ai có nhu cầu vay vốn thì liên hệ với V. Do tin tưởng vào thông tin V đưa ra, anh S đã giới thiệu anh Đặng Văn G (sinh năm 1962, trú tại xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang) với V.

Khoảng giữa tháng 01/2022, anh Đặng Văn G hẹn gặp V và nói bản thân đang có nhu cầu vay khoảng 10 tỷ đồng nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân, V nói với anh G là mình có khả năng vay vốn Ngân hàng ở T với lãi suất ưu đãi 0,45%/01 năm, vốn đối ứng là 30%; nếu anh G muốn vay số tiền 10 tỷ đồng thì phải làm hợp đồng xây dựng trị giá 15 tỷ đồng và phải đưa trước cho V 4.500.000.000 đồng tiền đối ứng. Hồ sơ vay dưới hình thức vay tiền để làm nhà, phải làm không hợp đồng thì công xây dựng nhà, nếu không làm nhà thì có thể lấy tiền, không cần thế chấp, chỉ cần photo Chứng minh nhân dân, hộ khẩu và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính chủ, đất thổ cư. Khoảng 01 tuần sau, anh G

gọi điện thoại cho V nói đồng ý với việc vay vốn, tuy nhiên chỉ chuẩn bị được số tiền 1.500.000.000 đồng và hỏi V có giúp hỗ trợ vay được không thì V nói giúp được. Sau đó anh G chụp ảnh Chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi cho V, V soạn sẵn hợp đồng thi công xây dựng nhà ở rồi ký tên và đóng dấu đỏ của Công ty (không ghi thời gian) rồi gửi ra cho vợ chồng anh G ký.

Ngày 19/01/2022, anh Đặng Văn G cùng anh Hà Văn H, anh Dương Văn S, anh Dương Trí T4 và anh Lê Đức Anh V1 đều trú tại tỉnh Bắc Giang vào tỉnh Quảng Bình gặp Nguyễn Tiến V, hai bên thống nhất và điền thông tin vào hợp đồng. Nguyễn Tiến V viết giấy cam kết, ghi nhớ nội dung sẽ thực hiện thỏa thuận hợp đồng trước ngày 30/01/2022, tuy nhiên, anh G chỉ chuẩn bị được 1.300.000.000 đồng (trong đó chuyển khoản vào số tài khoản 111132727777 của V mở tại Ngân hàng TMCP Q 900.000.000 đồng và đưa tiền mặt 400.000.000 đồng) nên Nguyễn Tiến V viết vào mặt sau của B cam kết nhận 1.300.000.000 đồng của anh G. Sau khi nhận tiền, V đã chuyển cho anh Dương Văn S 40.000.000 đồng nói là tiền công giới thiệu và chi phí cho quá trình ăn uống, lưu trú, di chuyển của những người nêu trên khi đến Quảng Bình, số tiền còn lại, V sử dụng chi tiêu cá nhân.

Về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Quá trình khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Nguyễn Tiến V, Cơ quan điều tra thu giữ 03 bản Quyết định số 67/QĐ-BXD ngày 10/9/2021 của Bộ X1, về việc ban hành Quyết định giao chỉ tiêu đối với dự án “Xây nhà trả góp trên đất của dân cho Công ty TNHH T7” và 04 bản Hợp đồng bảo lãnh không ghi ngày tháng năm của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, V khai đã thuê người khác làm giả, nhằm nâng cao vị thế và đánh bóng tên tuổi cho Công ty của mình, cụ thể:

- Khoảng đầu tháng 9/2021, trong một lần đi uống cà phê tại khu vực gần bến xe M, Hà Nội, V gặp một người xưng tên D, trú tại quận H, Hà Nội (V không biết thông tin lai lịch, địa chỉ cụ thể), D giới thiệu bản thân có khả năng làm giả giấy tờ nên V nhờ D làm giả một Quyết định của Bộ X1, D đồng ý làm với giá 10.000.000 đồng và cho V xem một số mẫu giả để V chọn. Sau khi chọn mẫu xong, V cung cấp thông tin của Công ty cho D làm giả, khoảng 15 ngày sau D hẹn gặp V tại Hà Nội và giao cho V 03 tờ Quyết định số 67/QĐ-BXD ngày 10/9/2021 của Bộ X1, về việc ban hành quyết định giao chỉ tiêu đối với dự án “Xây nhà trả góp trên đất của dân” cho Công ty TNHH T7, do Thứ trưởng Lê Quang H1 ký và đóng dấu đỏ của Bộ X1.

- Khoảng tháng 11/2021, có người gọi điện thoại cho V tự giới thiệu tên là P1 ở thành phố V, tỉnh Nghệ An (V không biết thông tin lai lịch, địa chỉ cụ thể) và hỏi V có nhu cầu làm giả các giấy tờ liên quan đến Ngân hàng không, V trả lời không có nhu cầu. Khoảng 01 tuần sau, do muốn nâng cao vị thế, đánh bóng tên tuổi của Công ty nên V gọi điện thoại cho P1 và ngỏ ý muốn làm giả 01 bản hợp đồng bảo lãnh Ngân hàng đối với Công ty của V nhằm nâng cao năng lực của Công ty trước khách hàng khi có hợp đồng thương mại. P1 hẹn gặp V tại một quán cà phê gần khách sạn P2, thành phố V, tỉnh Nghệ An và thống nhất làm giả tài liệu nêu trên với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 02 tuần sau, P1 hẹn gặp V tại vị trí cũ ở thành phố V, tỉnh Nghệ An để nhận giấy tờ giả và giao tiền, P1 đưa cho V 04 bản

Hợp đồng bảo lãnh, không ghi ngày tháng do bà Nguyễn Thị Phương T5 ký và đóng dấu đỏ có tên Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

- Ngày 07/6/2022, Phòng K2 Công an tỉnh Q có Kết luận giám định số 645/KL-KTHS, kết luận: Con dấu và chữ ký trên Quyết định số 67/QĐ-BXD, ngày 10/9/2021 của Bộ X1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu. Ngày 05/4/2022, Bộ X1 có Văn bản số 1127/BXD-VP khẳng định: Bộ X1 không ban hành Quyết định số 67/QĐ-BXD, ngày 10/9/2021 về việc giao chỉ tiêu đối với dự án “xây nhà trả góp trên đất của dân” cho Công ty TNHH T7 do đồng chí Thứ trưởng Lê Quang H1 ký, đóng dấu của Bộ X1. Ngày 23/8/2022, Phòng K2 Công an tỉnh Q có Kết luận giám định số 938/KL-KTHS, kết luận: Con dấu và chữ ký trên Hợp đồng bảo lãnh của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H được tạo ra bằng phương pháp in phun màu. Ngày 01/8/2022, Ngân hàng TMCP P (H4) có văn bản số 953/2022/CV-HDBank khẳng định: Công ty TNHH T7 có người đại diện Nguyễn Tiến V không có giao dịch bảo lãnh tại H4 và H4 không ban hành văn bản có tiêu đề “HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH” do bà Nguyễn Thị Phương T5 - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT H4 ký và đóng dấu đỏ có tên H4 đối với Công ty TNHH T7.

- Đối với các đối tượng có hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, Nguyễn Tiến V khai báo không biết thông tin lai lịch, địa chỉ cụ thể, không còn lưu giữ số điện thoại nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để làm rõ.

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận đơn tố giác của chị Trần Thị H2, sinh năm 1980, trú tại thôn D, xã Q, huyện Q; anh Lê Thanh K1, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã Q, huyện Q; chị Trương Thị H3, sinh năm 1985, trú tại thôn M, xã Q, huyện Q và chị Trương Thị N1, sinh năm 1981, trú tại thôn M, xã Q, huyện Q tố cáo Nguyễn Tiến V có hành vi nhận tiền và hứa hẹn thực hiện việc làm thủ tục tách thửa, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thực hiện và không trả lại tiền. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định không có căn cứ để chứng minh Nguyễn Tiến V có hành vi nhận tiền để hứa hẹn thực hiện việc làm thủ tục tách thửa, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Trần Thị H2, anh Lê Thanh K1, chị Trương Thị H3 và chị Trương Thị N1; Việc mượn tiền của Nguyễn Tiến V với những người nêu trên là thỏa thuận dân sự. Các chị Trần Thị H2, Trương Thị H3, Trương Thị N1 và anh Lê Thanh K1 đã có đơn xin rút đơn tố cáo Nguyễn Tiến V để giải quyết dân sự với nhau.

Đối với Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q là nhân viên thị trường, làm việc theo thời vụ tại Công ty TNHH T7, thấy Nguyễn Tiến V có nhiều mối quan hệ, nghĩ V có thể giúp người khác làm giúp các thủ tục liên quan đến sổ đỏ nên đã giới thiệu chị Nguyễn Thị Kiều O (em gái T3), chị Trương Thị H3 và chị Trương Thị N1 đến gặp Nguyễn Tiến V để đặt vấn đề nhờ V giúp làm sổ đỏ. Nguyễn Văn T3 hoàn toàn không biết rõ nội dung giao dịch giữa chị Nguyễn Thị Kiều O1, chị Trương Thị H3 và chị Trương Thị N1 với Nguyễn Tiến V. Sau đó, Nguyễn Tiến V có đưa cho T3 02 lần tổng số tiền 17.000.000 đồng, Nguyễn Văn T3 nghĩ rằng đó là tiền hoa hồng từ việc giới thiệu các chị Nguyễn Thị Kiều O, Trương Thị H3 và Trương Thị N1 đến nhờ Nguyễn Tiến V làm sổ đỏ nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, quá

trình điều tra Nguyễn Tiến V khai báo số tiền trên là tiền thưởng chiết khấu từ việc Nguyễn Văn T3 đã bán S1 vượt doanh số.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ đồ vật, tài liệu sau:

- 03 tờ giấy A4 trên bề mặt ghi dòng chữ Quyết định về việc ban hành quyết định giao chỉ tiêu đối với dự án “xây nhà trả góp trên đất của dân” cho Công ty TNHH T7 do Bộ X1 cấp số 67/QĐ-BXD, ngày 10 tháng 9 năm 2021 do Thứ trưởng Lê Quang H1 ký và đóng dấu đỏ của Bộ X1;

- 16 tờ giấy A4 trên bề mặt ghi dòng chữ Quyết định v/v cấp chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng số 20.13996-QMS/TTP do Công ty Cổ phần chứng nhận và giám định TTP cấp ngày 01/10/2020 do Giám đốc Lê Hoàng Nhật M ký và đóng dấu đỏ của công ty;

- 04 tờ giấy A4 ghi dòng chữ Hợp đồng bảo lãnh không có ngày tháng do Nguyễn Thị Phương T5 ký và đóng dấu đỏ có tên Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H;

- 01 tờ giấy A4 trên bề mặt có ghi “HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ” giữa bên bán là Phạm Thị Thanh X và bên mua là Công ty TNHH T7;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARA EL, màu nâu, biển kiểm soát 73C-133.00, số máy: YD25952615T, số khung: MNTCC2D23Z0092470, xe cũ đã qua sử dụng;

- 01 tờ giấy A4 trên bề mặt có ghi “GIẤY BIÊN NHẬN GIỮ BẢN CHÍNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐANG THẺ CHẤP (“GIẤY BIÊN NHẬN THẺ CHẤP”)” của Ngân hàng T9 - Chi nhánh Q1;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 73 006538 mang tên PHẠM THỊ THANH XUÂN, biển số đăng ký 73C-133.00 (Bản sao chứng thực);

- 01 “Hợp đồng mua bán sản phẩm hàng hóa” số: 070721/2021/HĐKT giữa Công ty TNHH T7 có chữ ký của Nguyễn Tiến V, Phạm Thị Thanh X và đóng dấu đỏ của Công ty TNHH T7; kèm theo 01 (một) bản “Phụ lục hợp đồng số 1” (Áp dụng cho Đại lý) có chữ ký của Nguyễn Tiến V, Phạm Thị Thanh X và đóng dấu đỏ của Công ty TNHH T7.

- 01 máy tính xách tay hiệu ACER, loại Core i5, màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 ProMax màu xanh, số IMEI1 353903101372884, số IMEI2 35390311498366, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu vàng cát, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu xanh, màn hình và mặt lưng bị nứt vỡ ở nhiều vị trí, bên ngoài có ốp lưng màu vàng, máy cũ đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng ánh kim, số IMEI (khe cắm thẻ sim 1): 861428059543893, số IMEI (khe cắm thẻ sim 2): 861428059543885, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim số điện thoại 0819555519, máy đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng bên trong;

- 01 CCCD số 010183007713 mang tên ĐOÀN THỊ THU THỦY;

- 01 CMND số 240632342 mang tên ĐOÀN THỊ THU THỦY;

- 01 thẻ ngân hàng của Ngân hàng M1 số 4089 0410 0913 9114, số ID 66509293, mang tên DOAN THỊ THU THUY.

- 02 bản “Bảng minh họa quá trình KH chi trả gốc và lãi xây nhà trả góp (gồm 04 tờ giấy A4).

- 01 bản Quyết định của Công ty TNHH T7 số 0108/2021/TBVHT, quyết định V/v ban hành chương trình hỗ trợ tặng xe ô tô 5 chỗ dành cho khách hàng (gồm 01 tờ giấy A4).

- 01 bản Quyết định của Công ty TNHH T7 số 2107/2021/TBVHT, quyết định V/v ban hành chương trình hỗ trợ tặng xe ô tô bán tải Navara dành cho khách hàng (gồm 02 tờ giấy A4).

- 01 bản thông báo của Công ty TNHH T7 số 1012/2021/TBVHT thông báo V/v triển khai dự án “Xây nhà trả góp trên đất của dân” (gồm 01 tờ giấy A4).

- 14 bản Công văn của Bộ Y số 5044/BYT-TB-CT V/v nhập khẩu sinh phẩm chẩn đoán in vitro xét nghiệm vi rút SARS-Cov2 (gồm 14 tờ giấy A4) do Vụ trưởng vụ trang thiết bị và công trình y tế Nguyễn Minh T6 ký và đóng dấu của Bộ Y.

- 31 bản Công văn của Bộ Y số 5059/BYT-TB-CT V/v trang thiết bị y tế chẩn đoán in vitro xét nghiệm vi rút SARS-Cov2 (gồm 31 tờ giấy A4) do Vụ trưởng vụ trang thiết bị và công trình y tế Nguyễn Minh T6 ký và đóng dấu của Bộ Y.

- 01 bản Quyết định của Công ty TNHH T7 số 0108/2021/TBVHT ngày 20/7/2021 Quyết định V/v ban hành chương trình hỗ trợ tặng xe ô tô 5 chỗ dành cho khách hàng (gồm 03 tờ giấy A4).

- 02 bản hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH T7 và vợ chồng ông Đặng Văn G, Phạm Thị N2.

- 01 bản Đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng sản phẩm nhà trọn gói ngày 10/01/2022.

- 01 Hợp đồng dân sự về việc vay tiền ngày 11/3/2021 giữa Trần Thị Hồng Nguyễn Tiến V2.

- 02 bản hợp đồng thi công xây dựng công trình trọn gói số 12VHT/HĐTCTG ngày 19/01/2022.

- 01 Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng số 03DA/QĐ-VHT ngày 02/3/2022 của Công ty TNHH T7.

- 03 bản Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lần 2 số 04DA/QĐ-VHT ngày 13/3/2022 của Công ty TNHH T7.

- Tiền Ngân hàng N3, số tiền 17.000.000 đồng (do Nguyễn Văn T3 tự nguyện giao nộp).

- Chị Đoàn Thị Thu T2 tự nguyện giao nộp số tiền 16.700.000 đồng, tương ứng với số tiền phong tỏa trong tài khoản số 4089041009139114 mở tại Ngân hàng M2 mang tên Đoàn Thị Thu T2, để xin nhận lại thẻ ngân hàng phục vụ việc kinh doanh của Đoàn Thị Thu T2.

- Anh Dương Văn S tự nguyện giao nộp số tiền 40.000.000 đồng đã nhận từ Nguyễn Tiến V2.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại những đồ vật, tài liệu, tài sản sau cho chủ sở hữu hợp pháp, cụ thể:

- Trả cho chị Phạm Thị Thanh X, sinh ngày 10/02/1982, trú tại D Q, Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình: 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARA EL, màu nâu, biển kiểm soát 73C-133.00, số máy: YD25952615T, số khung: MNTCC2D23Z0092470, xe cũ đã qua sử dụng;

- Trả cho chị Đoàn Thị Thu T2, sinh ngày 28/3/1983, trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, màn hình và mặt lưng bị nứt vỡ ở nhiều vị trí, máy cũ đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng bên trong;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng ánh kim, số IMEI (khe cắm thẻ sim 1): 861428059543893, số IMEI (khe cắm thẻ sim 2): 861428059543885, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim số điện thoại 0819555519, máy cũ đã qua sử dụng, không đánh giá chất lượng bên trong;

+ 01 CCCD số 010183007713 mang tên ĐOÀN THỊ THU THỦY;

+ 01 CMND số 240632342 mang tên ĐOÀN THỊ THU THỦY; + 01 thẻ ngân hàng của Ngân hàng M1 số 4089041009139114, số ID 66509293, mang tên DOAN THI THU THUY.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 05/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V2 phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V2 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Tiến V2 phải chấp hành là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/3/2022.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Tiến V2 có trách nhiệm trả lại cho anh Đặng Văn G số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỉ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 10/5/2023 bị cáo V2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 16/5/2023, bị hại Đặng Văn G kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xem xét trách nhiệm hình sự của Dương Trí T4, Dương Văn S và Đoàn Thị Thu T2 vì có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo V2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo V2 giữ nguyên kháng cáo.

- Bị hại Đặng Văn G và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đặng Văn G đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra về hành vi đồng phạm với bị cáo Nguyễn Tiến V2 của Dương Trí T4, Dương Văn S, Đoàn Thị Thu T2.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ việc xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, xét thấy:

Đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Tiến V2 thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V2 thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là vào tháng 01/2022 V2 đưa ra thông tin gian dối về việc V2 có quan hệ với Ngân hàng tại T, có khả năng làm thủ tục cho các doanh nghiệp và cá nhân ở Việt Nam vay vốn với lãi suất ưu đãi 0,45%/năm để thực hiện các công trình xây dựng dân dụng; hồ sơ vay dưới hình thức vay tiền để làm nhà, phải làm không hợp đồng thi công xây dựng nhà và nộp trước vốn đối ứng 30%. Tin lời V2, ông Đặng Văn G đã chuyển cho bị cáo V2 1.300.000.000 đồng với hi vọng là vay được vốn với lãi suất ưu đãi để làm nhà, V2 đã sử dụng số tiền này trả nợ cá nhân; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Việt phạm “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên) là đúng tội danh, đúng khung hình phạt. Ngoài hành vi nêu trên, với mục đích nâng cao vị thế và đánh bóng tên tuổi cho Công ty TNHH T7 của V2, V2 đã thuê người khác làm giả Quyết định số 67/QĐ-BXD ngày 10/9/2021 của Bộ X1 về việc ban hành quyết định giao chỉ tiêu đối với dự án “*Xây nhà trả góp trên đất của dân*” cho Công ty TNHH T7 và Hợp đồng bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H đối với Công ty TNHH T7 của V2; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Việt phạm thêm “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[2] Xét, bị cáo V2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả số tiền 200.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51

Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo V2 là đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo V2 được hưởng. Hình phạt đối với “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt V2 13 năm tù về tội này là thỏa đáng. Hình phạt đối với “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 2 Điều 341 có mức phạt tù từ 02 năm đến 5 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt V2 02 năm tù là mức khởi điểm. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V2 nên cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bị cáo V2 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị hại Đặng Văn G đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ vai trò đồng phạm với Nguyễn Tiến V2 của Dương Trí T4, Dương Văn S và Đoàn Thị Thu T2 thấy:

[3] Anh Dương Trí T4, anh Dương Văn S và chị Đoàn Thị Thu T2 khai không biết thông tin V2 đưa ra là giả (Bút lục 596, 610, 611, 614, 615), còn ông G thì không có căn cứ chứng minh những người này “*biết và thông đồng*” với V2; trong khi đó trên thực tế ngày 19/01/2022, Đoàn 5 người gồm anh Đặng Văn G, Hà Văn H, Dương Văn S, Dương Trí T4 và Lê Đức Anh V1 đều trú tại tỉnh Bắc Giang di chuyển vào tỉnh Quảng Bình gặp Nguyễn Tiến V2, sau khi nhận của anh Đặng Văn G 1,3 tỷ đồng thì V2 chỉ đưa anh Dương Văn S 40 triệu đồng nói là công giới thiệu, chi phí di chuyển, lưu trú, ăn uống cho Đoàn 5 người; do đó, cấp phúc thẩm xét không đủ cơ sở ban đầu để xác định có hành vi đồng phạm cùng V2 để lừa đảo anh Đặng Văn G, nếu anh G có chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi đồng phạm của những người này thì vẫn có quyền đề nghị Công an, Viện kiểm sát xem xét khởi tố những người này. Vì các lý do trên, cấp phúc thẩm xét không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về để điều tra hành vi đồng phạm lừa đảo cùng V2 theo nội dung kháng cáo của anh Đặng Văn G nên không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Văn G.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến V2 và kháng cáo của bị hại Đặng Văn G, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V2 phạm “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến V2 13 năm tù về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm tù về

“Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Tiến V2 phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/3/2022.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Tiến V2 trả lại anh Đặng Văn G số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỉ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Tiến V2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo Việt (gửi qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân